TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **114**/2023/DS-PT
Ngày: 30/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Ông Trần Hoài Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:* ông Ngô Văn Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án sơ thẩm số: 23/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 192/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* **Ngân hàng Q (tên giao dịch N)**; địa chỉ trụ sở chính: Số 2xx-2xx phố B, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số 5xx đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Dương Hồ V, sinh năm 1990; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ban xử lý nợ Miền Trung tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền số 112/2022 ngày 18/10/2022 của bà Bùi Thị Thanh H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị N và Giấy uỷ quyền số 132/2023 ngày 10/4/2023 của ông Nguyễn Như K, chức vụ Giám đốc Trung tâm xử lý nợ N. (ông V có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần T**, sinh năm 1976 và bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1983. Cùng trú tại: Tổ x, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (ông Tn, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn- Ngân hàng Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Q trình bày như sau:*

Ngân hàng Q (tên giao dịch là N) Chi nhánh Đà Nẵng Phòng giao dịch T và ông Trần T, bà Lê Thị N có ký kết Hợp đồng vay số 045/19/HDCV-9357 ngày 30/9/2019 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);
- Mục đích vay: Vay mua tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân tiếp theo.
- Lãi suất trong hạn: Lãi suất kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 02/01/2020 là 13%/ năm; lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 4,6%/ năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Trần T, bà Lê Thị N đã ký với Ngân hàng TMCP Q Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 037/19/HĐTC-9357 ngày 30/9/2019, số công chứng: 71xx, quyển số 01 TP/CC-SCC/ HĐGD, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x, diện tích: 150 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851xxx, số vào sổ cấp GCN CTs 96xxx do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2016 cho ông Trần T, bà Lê Thị N và được Văn Phòng Công chứng S tại quận H, thành phố Đà Nẵng công chứng. Ngày 01/10/2019, Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Tn, bà Lê Thị N đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp trên theo quy định của pháp luật tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H.

Quá trình vay vốn, ông Trần T, bà Lê Thị N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay đã ký với N. Tạm tính đến ngày 26/5/2023, ông Trần T, bà Lê Thị N còn nợ N số tiền là 159.036.568 đồng, trong đó: Nợ gốc: 130.979.903 đồng; Nợ lãi trong hạn: 21.952.111 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.104.554 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Trần T, bà Lê Thị N thanh toán toàn bộ khoản nợ hoặc bàn giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý nhưng ông T, bà N vẫn không hợp tác.Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1/ Buộc ông Trần T, bà Lê Thị N phải thanh toán cho N tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/5/2023 còn nợ tại Hợp đồng cho vay nêu trên là 159.036.568đ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

Nợ gốc: 130.979.903 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 21.952.111 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 6.104.554 đồng.

2/ Buộc ông Trần T, bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký với N kể từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

3/ Trường hợp sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần T, bà Lê Thị N không thực hiện trả cho N toàn bộ số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x, diện tích: 150 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhân quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851xxx, số vào sổ cấp GCN CTs 96xxx do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2016 cho ông Trần T và bà Lê Thị N.

** Bị đơn bà Lê Thị N trình bày tại bản khai ngày 28 tháng 11 năm 2022 như sau:*

Bà Lê Thị N thừa nhận bà và ông Trần T (chồng bà) có vay tại Ngân hàng Q (gọi tắt là N) Chi nhánh Đà Nẵng-Phòng giao dịch T với số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Vay mua tiêu dùng; thời hạn vay: 84 tháng. Khi vay, ông Trần T và bà có thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 1xxx, tờ bản đồ số 1x, diện tích: 150 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851xxx, số vào sổ cấp GCN CTs 967xx do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2016 cho ông Trần Tn và bà Lê Thị N.

Quá trình sử dụng vốn vay, bà và ông Trần T trả gốc và lãi đúng định kỳ cho ngân hàng. Tuy nhiên, trong gần hai năm nay do gia đình gặp nhiều khó khăn, ông Trần T bị bệnh tật, thu nhập không ổn định nên vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Vì vậy, việc Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả nợ tính đến ngày 03 tháng 10 năm 2022 là: 143.556.735 đồng theo Hợp đồng vay số 045/19/HĐCV-9357 ngày 30/9/2019, gồm:

+ Gốc 130.979.903 đồng;

+ Lãi và phí tạm tính đến ngày 03/10/2022 là: 12.576.832 đồng.

Vợ chồng bà đồng ý trả nợ vay, tuy nhiên bà N yêu cầu chia khoản nợ gốc và lãi ra thành nhiều kỳ để vợ chồng bà N có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp, vợ chồng bà N đồng ý phát mãi tài sản nếu vi phạm thời hạn trả nợ.

Với nội dung trên, *Bản án sơ thẩm đã tuyên xử như sau*:

Áp dụng: Các Điều 117, 401 và 463 Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với ông Trần T và bà Lê Thị N.

2. Buộc ông Trần T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Q tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2023 là 159.036.568đ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 130.979.903 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 21.952.111 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 6.104.554 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần T và bà Lê Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 1180, tờ bản đồ số 13, diện tích: 150 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851xxx, số vào sổ cấp GCN CTs 96xxx do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2016 cho ông Trần T và bà Lê Thị N được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Q để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trường hợp ông Trần T và bà Lê Thị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Q thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại cho ông Trần T và bà Lê Thị N tài sản thế chấp là 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851xxx, số vào sổ cấp GCN CTs 96xxx do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2016 đứng tên ông Trần T và bà Lê Thị N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần T và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 7.951.828đ (Bảy triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí 3.588.918đ (Ba triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm mười tám đồng*)* theo biên lai thu số 04670 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Ông Trần T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Q 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 07/6/2023, nguyên đơn Ngân hàng Q kháng cáo Bản án sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng đối với phần tuyên lãi chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án là "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (lãi trong hạn, lãi chậm trả gốc và lãi chậm trả lãi) theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ" và cần tuyên thêm nội dung "Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông T và bà N phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho N theo các hợp đồng vay và khế ước nhận nợ đã ký" nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm để bảo đảm quyền lợi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự tham gia phiên toà, mặc dù đã là phiên toà mở lần thứ hai nhưng chỉ có nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo Ngân hàng Q có mặt, ông Trần T vắng mặt, bà Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, hồ sơ đã thu thập đầy đủ, đương sự có mặt đồng ý xét xử vắng mặt những người này, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đã hợp lệ, các đương sự cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Ngân hàng thì thấy,

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Trần T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Q tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2023 là 159.036.568đ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 130.979.903 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 21.952.111 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 6.104.554 đồng

Ngân hàng Q và ông Trần T, bà Lê Thị N không có ý kiến đối với số tiền nợ gốc và lãi này, việc Toà án buộc ông T và bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với Hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với việc tuyên nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án, Bản án sơ thẩm đã tuyên: "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay" là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn của Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

[2.3] Việc Ngân hàng kháng cáo yêu cầu phải tuyên: "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (lãi trong hạn, lãi chậm trả gốc và lãi chậm trả lãi) theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ" là yêu cầu tính lãi chồng lãi, trái với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự và việc tính lãi như trên không phù hợp với nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn theo Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và điểm b, c khoản 4, Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 13/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Việc Ngân hàng kháng cáo đề nghị tuyên thêm nội dung "Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông T và bà N phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho N theo các hợp đồng vay và khế ước nhận nợ đã ký" thì thấy, Bản án sơ thẩm số 23/2023 ngày 26/5/2023 đã tuyên buộc bị đơn ông T và bà N phải trả nợ cho Ngân hàng Q số tiền nợ vay tổng cộng tính đến ngày 26/5/2023 là 159.036.568đ và đồng thời tuyên phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x, diện tích 150 m^2, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để ngân hàng thu hồi nợ là đã đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Mặc khác, tại phiên toà người đại diện uỷ quyền của Ngân hàng đã đánh giá: thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x có giá trị hơn 01 tỷ đồng nên việc yêu cầu tuyên thêm nội dung như yêu cầu của Ngân hàng là không cần thiết. Mặc khác, Ngân hàng là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, đánh giá tài sản cho vay nếu có rủi ro là phải gánh chịu, và giả sử khách hàng vay không trả đủ số tiền nợ vay theo quy định thì trong giai đoạn thi hành án Ngân hàng có quyền yêu cầu. Do đó, việc kháng cáo của Ngân hàng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Q, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và biểu phí của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và biểu phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng của ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

I. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Q.

II. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với ông Trần T và bà Lê Thị N.

2. Buộc ông Trần T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Q tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2023 là 159.036.568đ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 130.979.903 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 21.952.111 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 6.104.554 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần T và bà Lê Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x diện tích: 150 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851xxx, số vào sổ cấp GCN CTs 96xxx do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2016 cho ông Trần T và bà Lê Thị N được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Q để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trường hợp ông Trần T và bà Lê Thị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Q thì Ngân hàng Q phải trả lại cho ông Trần T và bà Lê Thị N tài sản thế chấp là 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851xxx, số vào sổ cấp GCN CTs 96xxx do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2016 đứng tên ông Trần T và bà Lê Thị N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần T và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 7.951.828đ (Bảy triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí 3.588.918đ (Ba triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm mười tám đồng*)* theo biên lai thu số

04670 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Ông Trần T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Q 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

III. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng Ngân hàng Q phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại biên lai thu số 0000318 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng Q đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang ĐN;
- TAND huyện Hoà Vang ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo